

Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 12 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1064/2022/ TLST- HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1994;

- **Bị đơn: Anh Trương Văn P**; sinh năm: 1989;

Cùng HKTT: P510- Tòa CT1, Lô X2, Khu đô thị B, phường H, quận H, H;

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 01 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/01/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị T và Anh Trương Văn P.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

\* **Về con chung:** Chị T, Anh P xác nhận anh chị có 01 con chung: sinh ngày 24/03/2021.

Giao con chung Trương Phúc M cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật( ngày 12/01/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, Anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết Chị T, Anh P xác nhận không có thai chung.

**\* Về tài sản chung( động sản, bất động sản):** Chị T, Anh P xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

**\* Về nợ chung:** Chị T, Anh P xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

**\* Về án phí:** Chị T, Anh P mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị T chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả cho Chị T số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003070 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- UBND xã N,
- Huyện T, tỉnh H,;
- ( số 71, ngày 14/11/2019)
- Lưu hồ sơ VA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình T**

